

Số: /TM-BVĐKĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

THƯ MỜI

V/v chào bằng giá in ấn biểu mẫu y tế phục vụ công việc của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai

Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có kế hoạch tìm kiếm đơn vị có năng lực phù hợp nhằm thực hiện gói thầu in ấn biểu mẫu y tế phục vụ công tác phục vụ công việc cho Bệnh viện. Để có cơ sở lập danh mục và xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện kính mời các nhà thầu quan tâm chào giá các dịch vụ theo danh mục như sau:

(chi tiết theo phụ lục kèm theo)

Yêu cầu chung đối với các nhà thầu:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Có hồ sơ năng lực đầy đủ theo quy định.

Thời hạn nộp báo giá: Từ ngày ra Thư mời đến 16 giờ 30 phút ngày 05 tháng 9 năm 2025

Địa chỉ nhận báo giá: Phòng hành chính quản trị (P. 313, lầu 3), bệnh viện Đa khoa Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 02 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

Người liên hệ: Nguyễn Văn Bình SĐT: 0933 888 134.

Rất mong được sự quan tâm của các nhà thầu.

Trân trọng!

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Lưu: VT, HCQT.
(Binh HCQT)

Ngô Đức Tuấn

Phụ Lục
DANH MỤC CHI TIẾT BIỂU MẪU Y TẾ

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVĐKĐN ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai)

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
1	Gáy trắng	Bộ	4x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; 6 tờ (khổ 4x30), đóng 2 kim.	6.000	
2	Bìa nhựa đựng hồ sơ (F4)	Cái	21x33	- Nhựa PP trắng nguyên chất; in Logo BV màu xanh, 1 mặt.	2.000	
3	Bìa Hồ sơ bệnh án (Ngoại trú)	Cái	33x45	- Bìa: Giấy Thái trắng, định lượng 230g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt; cán màng bóng 1 mặt trong. - Gáy: giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; Số tờ 6 (khổ 4x30) - Đóng kim giữa gáy.	4.000	
4	Bìa Hồ sơ bệnh án (Nội trú)	Cái	33x45	- Bìa: Giấy Thái trắng, định lượng 230g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt; cán màng bóng 1 mặt trong. - Gáy: giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; Số tờ 20 (khổ 4x30); có in chữ và số; In 1 màu, 2 mặt. - Đóng kim giữa gáy.	30.000	

- Số 02, đường Đồng Khởi, P. Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.
- ĐT: 0251 8825609; Website: <https://benhviendakhoadongnai.com/>

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
5	Bìa Hồ sơ bệnh án ngoại trú YHCT (Bộ gồm 1 Bìa+1A3+1A4)	Cái	33x45	- Bìa: Giấy Thái trắng, định lượng 230g/m²; in 1 màu, 1 mặt; cán màng bóng 1 mặt trong. - Ruột: Giấy Fort, 70gsm; 1 tờ (khổ A3), 1 (khổ A4); In 1 màu, 2 mặt - Gáy: giấy Fort, định lượng 70g/m²; Số tờ 6 (khổ 4x30). - Đóng kim giữa gáy.	2.000	
6	Bìa Hồ sơ bệnh án nội trú YHCT (Bộ gồm 1 Bìa+2A3)	Cái	33x45	- Bìa: Giấy Thái trắng, định lượng 230g/m²; in 1 màu, 1 mặt; cán màng bóng 1 mặt trong. - Ruột: Giấy Fort, 70gsm; 2 tờ (khổ A3); In 1 màu, 2 mặt - Gáy: giấy Fort, định lượng 70g/m²; Số tờ 20 (khổ 4x30), có in chữ và số; In 1 màu, 2 mặt. - Đóng kim giữa gáy.	5.000	
7	Sổ bàn giao người bệnh chuyển viện	Cuốn	15x20	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m²; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m²;	15	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
				in 1 màu, 2 mặt. - May chỉ ở gáy thành phẩm.		
8	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa	Cuốn	15x20	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - May chỉ ở gáy thành phẩm.	20	
9	Sổ trả kết quả cận lâm sàng Giải Phẫu Bệnh	Cuốn	15x20	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu xanh, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - May chỉ ở gáy thành phẩm.	60	
10	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - May chỉ ở gáy thành phẩm.	20	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
11	Sổ biên bản bệnh nhân chết trước khi vào viện	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 210 trang; mỗi bộ 3 liên (giống giấy than) - Đóng răng cưa ở đầu tờ. - đóng kim ở gáy thành phẩm.	30	
12	Sổ biên bản hội chẩn	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - May chỉ ở gáy thành phẩm.	15	
13	Sổ cung cấp máu và thành phẩm máu	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - đóng kim ở gáy thành phẩm.	150	
14	Sổ ghi phiếu điều xe	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy	40	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
				Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. Đóng răng cưa ở giữa tờ. - đóng kim ở gáy thành phẩm.		
15	Sổ giao và nhận bệnh phẩm	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - May chỉ ở gáy thành phẩm.	70	
16	Sổ hợp giao ban	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - đóng kim ở gáy thành phẩm.	130	
17	Sổ Phẫu thuật	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - đóng kim ở gáy thành	10	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
				phẩm.		
18	Sổ Thường trực	Cuốn	20x30	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - May chỉ ở gáy thành phẩm.	80	
19	Sổ đơn thuốc "H"	Cuốn	20x42	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - Đóng răng cưa ở giữa tờ. - đóng kim ở gáy thành phẩm.	3	
20	Sổ đơn thuốc "N"	Cuốn	20x42	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - Đóng răng cưa ở giữa tờ.	3	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
				- đóng kim ở gáy thành phẩm.		
21	Sổ sinh (sản)	Cuốn	30x42	- Bìa: 4 trang; Giấy Thái trắng, định lượng 200g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt. - Ruột: 200 trang; Giấy Fort, định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. - đóng kim ở gáy thành phẩm.	36	
22	Phiếu hẹn trả kết quả nội soi dạ dày	Tờ	10x10	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	10.000	
23	Phiếu hẹn trả kết quả giải phẫu bệnh	Tờ	10x15	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	12.000	
24	Phiếu tạm thu	Tờ	10x15	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	40.000	
25	Bệnh nhân nhập viện mổ mắt cần lưu ý	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	2.000	
26	Cam đoan chấp nhận cắt bỏ 1 phần, 1 bộ phận cơ thể	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	2.000	
27	Đơn thuốc	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	10.000	
28	Đơn xin không khám nghiệm tử thi	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	
29	Giấy cam kết sử dụng dụng cụ kỹ thuật cao	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	3.000	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
30	Giấy cam kết xét nghiệm tầm soát viêm gan siêu vi B	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	3.000	
31	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 120g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	10.000	
32	Giấy giới thiệu khám bệnh	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	15.000	
33	Những điều cần lưu ý khi mổ chương trình	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	3.000	
34	Phiếu cam đoan thực hiện xét nghiệm sàng lọc sơ sinh	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	10.000	
35	Phiếu đăng ký giảm đau sau mổ	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	3.000	
36	Phiếu điều trị vật lý trị liệu	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	4.000	
37	Phiếu điều trị Y Học Cổ Truyền	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	
38	Phiếu đồng ý thực hiện tiêm phòng cho trẻ sơ sinh	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	12.000	
39	Phiếu giải thích, tư vấn cho NB và gia đình người bệnh	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	50.000	
40	Phiếu gửi xác	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	
41	Phiếu hẹn tiêm ngừa uốn ván	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	12.000	
42	Phiếu hẹn trả kết quả sàng lọc sơ sinh	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	8.000	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
43	Phiếu hẹn trả kết quả xét nghiệm	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	240.000	
44	Phiếu siêu âm (mắt)	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
45	Phiếu sử dụng vật tư y tế	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	
46	Phiếu theo dõi điều trị thủ thuật ngoại trú BN BHYT	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	20.000	
47	Tờ cam kết mổ theo phương pháp mới (phaco)	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	4.000	
48	Tờ khai làm căn cứ cấp giấy chứng sinh	Tờ	15x20	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	15.000	
49	Bảng cam kết xin bệnh nhân nặng về gia đình	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	10.000	
50	Bảng kiểm an toàn điện quang	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	10.000	
51	Bảng kiểm bệnh nhân trước khi can thiệp	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
52	Bảng kiểm bệnh nhân trước mổ và sau mổ	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	10.000	
53	Bảng kiểm tra chất lượng HSBA	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	30.000	
54	Biên bản bàn giao người bệnh tử vong	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
55	Biên bản hội chẩn thông qua mổ	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	10.000	
56	Biên bản NB tử vong trước khi vào cơ sở khám chữa bệnh	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	
57	Giấy cam kết bỏ thai theo ý muốn	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	
58	Giấy cam kết chấp thuận điều trị bằng hóa trị - xạ trị	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
59	Giấy cam kết chấp thuận điều trị bằng xạ trị	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
60	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và GMHS	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	20.000	
61	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	4.000	
62	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	15.000	
63	Giấy cam kết từ chối sử dụng DV khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	4.000	
64	Giấy cung cấp TT và cam kết chung về nhập viện nội trú	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	100.000	
65	Giấy đề nghị làm người đại diện cho người bệnh	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	2.000	
66	Giấy đồng ý thực hiện thủ thuật thông tim can thiệp	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
67	Giấy thông tin tư vấn và cam kết đồng ý nội soi	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	7.000	
68	Mẫu phiếu yêu cầu phê duyệt thuốc	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	2.000	
69	Mẫu phiếu yêu cầu sử dụng kháng sinh cần ưu tiên quản lý	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	2.000	
70	Phiếu bàn giao NB chuyển khoa (dành cho Điều dưỡng)	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	50.000	
71	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (dành cho Bác sĩ)	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	50.000	
72	Phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	
73	Phiếu chi tiết lọc máu	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	5.000	
74	Phiếu công khai thủ thuật (phun khí dung)	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
75	Phiếu cung cấp thông tin về người bệnh (HSTC-CD)	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	2.000	
76	Phiếu điều trị sơ sinh (sau sinh)	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	5.000	
77	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
78	Phiếu khám và chỉ định PHCN	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	5.000	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
79	Phiếu nhận định ban đầu vào viện tại khoa nội trú (dành cho Điều dưỡng lúc nhập viện/nhập khoa)	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	30.000	
80	Phiếu nhận định phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	20.000	
81	Phiếu phẫu thuật các trường hợp đục thủy tinh thể khó	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	2.000	
82	Phiếu theo dõi chuyển dạ đẻ (Sản đồ)	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	1.000	
83	Phiếu theo dõi điều trị	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	100.000	
84	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	30.000	
85	Phiếu theo dõi và chăm sóc	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	200.000	
86	Phiếu truyền máu	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	7.000	
87	Phiếu tự khai sản phụ	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	10.000	
88	Phiếu tự nguyện đình sản (Bộ = 3 tờ)	Bộ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 3 màu (xanh, đen, đỏ), 1 mặt.	1.000	
89	Phiếu tư vấn truyền máu	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	7.000	
90	Phiếu xác nhận đồng ý xét nghiệm HIV	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	5.000	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
91	Phiếu xét nghiệm giải phẫu bệnh sinh thiết	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	5.000	
92	Phiếu xét nghiệm tế bào cổ tử cung	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	2.000	
93	Tờ theo dõi BN TSH trong điều trị đột quỵ cấp do TMN	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
94	Tóm tắt bệnh án chuyển viện sơ sinh	Tờ	20x30	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	2.000	
95	Bệnh án Mắt (Bộ = 1 tờ A3 + 1 tờ A4)	Bộ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	4.000	
96	Bệnh án Ngoại khoa	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	15.000	
97	Bệnh án Ngoại trú	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	5.000	
98	Bệnh án Ngoại trú CK Mắt	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	3.000	
99	Bệnh án Ngoại trú CK RHM	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	8.000	
100	Bệnh án Nội khoa	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	15.000	
101	Bệnh án Nội trú YHCT (Bộ = 2 tờ A3)	Bộ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
102	Bệnh án phá thai	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
103	Bệnh án Phụ khoa	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	3.000	
104	Bệnh án RHM	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	200	
105	Bệnh án Sản khoa	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	5.000	
106	Bệnh án Sơ sinh	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	8.000	
107	Bệnh án TMH	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.200	
108	Phiếu điện tim	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	30.000	
109	Phiếu gây mê - khám tiền mê	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	20.000	
110	Phiếu theo dõi và chăm sóc HSTC-CD	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	5.000	
111	Phiếu theo dõi và chăm sóc Ngoại khoa	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	3.000	
112	Phiếu tóm tắt thông tin người bệnh nặng xin về	Tờ	30x42	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 1 mặt.	5.000	
113	Thẻ dị ứng	Tờ	7x10	- Giấy Fort định lượng 120g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	1.000	
114	Phiếu tiêm chủng cá nhân	Tờ	8x12	- Giấy Fort màu xanh, định lượng 120g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt.	10.000	

STT	TÊN BIỂU MẪU	ĐVT	KÍCH THƯỚC (Cm)	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NĂM 2025-2026	GHI CHÚ
115	Bao film B	Cái	27x32	- Giấy Fort định lượng 70g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. Gấp, dán thành phẩm.	168.000	
116	Bao MRI	Cái	42x55	- Nhựa PP, màu xanh; in 1 màu, 1 mặt.	12.000	
117	Bao MSCT Scanner	Cái	38x55	- Giấy Couche, định lượng 180g/m ² ; in 1 màu, 2 mặt. Gấp, dán thành phẩm.	48.000	